CHÍNH PHỦ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*
DỰ THẢO 1	

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Cơ chế thử nghiệm hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Các mô hình/giải pháp công nghệ tài chính được tổ chức không phải là ngân hàng trực tiếp cung ứng;

2. Giải pháp công nghệ được ứng dụng hoặc hỗ trợ trong các hoạt động ngân hàng được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng (nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Tổ chức tín dụng 2010;

2. Công ty Fintech/Công ty cung ứng giải pháp Fintech hợp tác với ngân hàng;

3. Công ty Fintech/Công ty cung ứng giải pháp Fintech độc lập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghệ tài chính (sau đây viết tắt là Fintech) là việc áp dụng các công nghệ đổi mới, sáng tạo và hiện đại vào lĩnh vực tài chính – ngân hàng như dịch vụ thanh toán, chuyển tiền, cho vay ngang hàng, quản lý tài sản... nhằm mang tới cho khách hàng các dịch vụ tài chính minh bạch, hiệu quả và thuận tiện với chi phí thấp hơn so với các dịch vụ tài chính truyền thống.

2. Cơ chế thử nghiệm hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng (sau đây gọi là Cơ chế thử nghiệm Fintech) là một cơ chế pháp lý được thiết lập bởi Chính phủ trong đó cho phép các tổ chức tín dụng, công ty cung ứng giải pháp Fintech và tổ chức đổi mới sáng tạo khác được thực hiện thử nghiệm trực tiếp các sản phẩm, dịch vụ Fintech trong một môi trường được kiểm soát và giám sát chặt chẽ bởi các cơ quan quản lý có liên quan.

3. Tổ chức Công nghệ tài chính (sau đây gọi tắt là tổ chức Fintech) là tổ chức không phải ngân hàng, được hình thành và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp 2014; trực tiếp cung ứng một số dịch vụ ngân hàng dựa trên các giải pháp công nghệ tài chính và/hoặc cung ứng giải pháp công nghệ tài chính hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Điều 4. Mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm Fintech

1. Hiện thực hóa các giải pháp tại Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" được phê duyệt tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 12/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ và các định hướng phát triển nền kinh tế số của Đảng và Nhà nước;

2. Thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo và hiện đại hóa lĩnh vực hoạt động ngân hàng qua đó thúc đẩy mục tiêu phổ cập tài chính cho người dân;

3. Tạo lập môi trường thử nghiệm nhằm hoàn thiện và phát triển các giải pháp Fintech, phù hợp với nhu cầu thị trường và khuôn khổ pháp lý;

4. Hạn chế rủi ro xảy ra cho khách hàng khi tham gia sử dụng các dịch vụ Fintech chưa được cấp phép chính thức;

5. Căn cứ trên kết quả triển khai thử nghiệm dịch vụ, các cơ quan quản lý nhà nước sẽ triển khai phương án xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý phù hợp đối với từng loại dịch vụ và công nghệ của Fintech.

Điều 5. Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech

Để đảm bảo tính công bằng, khách quan, công khai, minh bạch và lựa chọn được đúng tổ chức tham gia vào Cơ chế thử nghiệm Fintech, việc xét duyệt được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản như sau:

1. Tổ chức được xét duyệt tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech không đồng nghĩa với việc được cơ quan quản lý cấp Giấy phép hoạt động chính thức cho đến khi "tốt nghiệp" (hoặc đủ điều kiện cung ứng dịch vụ ra thị trường) với sự chấp thuận chính thức của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ Fintech tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech phải thuộc các lĩnh vực được quy định tại Nghị định này. Đối với lĩnh vực ngoài phạm vi nếu xét thấy có tiềm năng và thực sự mang lại lợi ích cho xã hội và nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định việc thử nghiệm căn cứ theo từng trường hợp cụ thể.

3. Số lượng tối đa tổ chức được xét duyệt tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech được xem xét trên cơ sở thực tiễn và do Thủ tướng Chính phủ quyết định căn cứ vào khả năng xét duyệt hồ sơ và giám sát trong từng thời kỳ, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của thị trường.

Điều 6. Cơ quan thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đơn vị đầu mối tiếp nhận Hồ sơ và phối hợp với các Bộ ngành để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt hoặc chấp thuận tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech trên cơ sở chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

3.

Chương II

ĐĂNG KÝ, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM FINTECH TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Điều 7. Đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech

1. Tổ chức tín dụng, công ty Fintech/công ty cung ứng giải pháp Fintech phải thực hiện việc đăng ký theo quy định tại Nghị định này khi tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech.

2. Tổ chức tín dụng, công ty Fintech/công ty cung ứng giải pháp Fintech được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đăng ký) khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Là pháp nhân được thành lập và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Khoản … Điều…;

c) Được Thủ tướng Chính phủ đồng ý và chấp thuận.

Điều 8. Các lĩnh vực Fintech được tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech

1. Thanh toán;
2. Tín dụng
3. Cho vay ngang hàng (P2P Lending);
4. Hỗ trợ định danh khách hàng;
5. Giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API);
6. Các giải pháp ứng dụng công nghệ đổi mới sáng tạo như Blockchain…
7. Các dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động ngân hàng (chấm điểm tín dụng, tiết kiệm, huy động vốn…).

Điều 9. Tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech

Giải pháp Fintech của các đối tượng xin tham gia thử nghiệm phải đáp ứng toàn bộ các tiêu chí như sau:

- Là giải pháp mà hoàn toàn chưa có hoặc một phần chưa có quy định pháp lý điều chỉnh;

- Là giải pháp Fintech sáng tạo lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam hoặc giải pháp Fintech được ứng dụng cho dịch vụ mới, có tính sáng tạo cao góp phần

đem mang lại lợi ích cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu mở rộng phổ cập tài chính;

- Là giải pháp được thiết kế quản lý rủi ro tốt, không có hoặc ít có khả năng gây ra tác động xấu tới các tổ chức tài chính nói riêng và cả hệ thống tài chính nói chung; có phương án xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm;

- Là giải pháp đã được công ty cung ứng giải pháp Fintech hoặc tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp đánh giá phù hợp và chính xác chức năng, công dụng và tính hữu ích;

- Là giải pháp có tính khả thi và tính thương mại cao, có kế hoạch cung ứng ra thị trường cụ thể sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm;

- Là giải pháp không tiềm ẩn rủi ro gây bất ổn đến thị trường tài chính – ngân hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký

1. Đơn đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech;

2. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành;.

3. Văn bản mô tả về Cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành đối với Giải pháp Fintech đăng ký thử nghiệm;

4. Đề án mô tả Giải pháp Fintech được đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech, trong đó thể hiện việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận

1. Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech gửi trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) hồ sơ quy định tại Điều 9 Nghị định này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán – Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo Fintech Ngân hàng Nhà nước). Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu các tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech bổ sung đầy đủ hồ sơ.

3. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, trao đổi trực tiếp với tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech và trình Thủ tướng Chính phủ đối với các hồ sơ đáp ứng toàn bộ tiêu chí theo quy định.

Đối với các hồ sơ không đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều 9 Nghị định này, Ngân hàng Nhà nước sẽ có văn bản thông báo cho tổ chức về việc không đáp ứng tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech trong vòng 5 ngày làm việc tiếp theo của thời hạn nêu trên.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình thẩm định của Ngân hàng Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ ký Giấy chứng nhận đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech hoặc Công văn từ chối trong đó nêu rõ lí do.

5. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech, tổ chức tiến hành thử nghiệm giải pháp theo khuôn khổ và phạm vi quy định. Sau thời hạn nói trên, tổ chức không triển khai thực hiện thử nghiệm, Giấy chứng nhận đăng ký sẽ hết hiệu lực.

Chương III

GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH THỬ NGHIỆM VÀ RÚT KHỎI CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM FINTECH

Điều 12. Thời gian và phạm vi thử nghiệm

1. Thời gian thử nghiệm các giải pháp Fintech là 01 - 02 năm tùy từng giải pháp và lĩnh vực cụ thể, tính từ thời điểm được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận thử nghiệm.

2. Tùy thuộc vào các giải pháp Fintech cụ thể, Ngân hàng Nhà nước sẽ thảo luận với tổ chức tham gia thử nghiệm để quyết định phạm vi cho hoạt động của các giải pháp bao gồm đồng thời hoặc 1 trong 3 yếu tố sau: Về địa lý, về hạn mức giao dịch và về số lượng khách hàng tham gia sử dụng dịch vụ.

Điều 13. Kết thúc gia hạn thời gian thử nghiệm

1. Kết thúc thời gian thử nghiệm, các tổ chức tham gia thử nghiệm phải xây dựng báo cáo tổng kết, bao gồm các thông tin: Sản phẩm đầu ra thử nghiệm, các chỉ số đánh giá thử nghiệm về thành công hay thất bại của giải pháp và kết quả thử nghiệm; các báo cáo sự cố và giải quyết khiếu nại của khách hàng và bài học kinh nghiệm rút ra từ việc thử nghiệm.

2. Ngân hàng Nhà nước căn cứ trên báo cáo tổng kết và quá trình giám sát trình Thủ tướng Chính phủ phương án xử lý tiếp theo bao gồm: Dừng thử nghiệm, chứng nhận hoàn thành thử nghiệm hoặc gia hạn thử nghiệm.

Điều 14. Dừng thử nghiệm

Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ có văn bản thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đăng ký tham gia thử nghiệm;

b) Hết thời hạn thực hiện thử nghiệm được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký mà không được gia hạn tiếp theo;

c) Trong thời gian thử nghiệm, tổ chức vi phạm nghiêm trọng quy định của Cơ chế thử nghiệm Fintech và các quy định có liên quan của pháp luật;

d) Xuất hiện những rủi ro theo đánh giá của cơ quan quản lý là nghiêm trọng, có khả năng gây ảnh hưởng và thiệt hại tới khách hàng;

đ) Các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục.

e) Tổ chức tự nguyện chấm dứt hoạt động thử nghiệm;

g) Tổ chức chấm dứt hoạt động.

Điều 15. Gia hạn thời gian thử nghiệm

1. Kết thúc thời gian thử nghiệm theo quy định, trong trường hợp khuôn khổ pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech tham gia thử nghiệm chưa được ban hành và có hiệu lực, nếu mong muốn kéo dài thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia thử nghiệm có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời gian 02 tháng trước khi kết thúc quá trình thử nghiệm để xem xét và chấp thuận cho gia hạn thời gian thử nghiệm;

2. Quyết định kéo dài thời gian thử nghiệm được xem xét dựa trên kết quả thử nghiệm và tình hình thực tế; là quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ với thời gian mỗi lần gia hạn thử nghiệm không quá 01 năm.

Điều 16. Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

Dựa trên báo cáo tự đánh giá, tổng kết của tổ chức thử nghiệm cùng quá trình theo dõi, giám sát và đánh giá dựa trên các tiêu chí theo quy định, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ cấp Giấy chứng nhận hoàn thành quá trình thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm, là căn cứ để các tổ chức triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 17. Đối với các tổ chức tham gia thử nghiệm

1. Các tổ chức tham gia thử nghiệm phải phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước trong quá trình thẩm định, đánh giá Hồ sơ đăng ký thử nghiệm.

2. Các tổ chức tham gia thử nghiệm phải thực hiện theo đúng các nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Giấy chứng nhận đăng ký tham gia thử nghiệm.

3. Các tổ chức tham gia thử nghiệm phải tuân thủ các quy định chung về báo cáo (như các chỉ số thực hiện thông tin thống kê, những vấn đề phát sinh như gian lận, sự cố, biện pháp giải quyết...), giám sát đối với lĩnh vực tham gia thử nghiệm; các trường hợp ngoại lệ do Chính phủ quy định.

4. Các tổ chức tham gia thử nghiệm phải có trách nhiệm phối hợp cùng với cơ quan quản lý thực hiện khắc phục những tồn tại của giải pháp trong quá trình thử nghiệm, những tổn thất (nếu có) đối với các bên có liên quan.

Điều 18. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Xây dựng hướng dẫn chi tiết việc thi hành Nghị định này.

2. Đầu mối tiếp nhận, thẩm định, đánh giá Hồ sơ đăng ký thử nghiệm; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

3. Thực hiện theo dõi và giám sát quá trình thử nghiệm của các tổ chức đăng ký tham gia thử nghiệm; đánh giá tổng kết quá trình thử nghiệm của các tổ chức.

Điều 19. Trách nhiệm của các Bộ, Ngành

1. Bộ Tài chính

2. Bộ Công An

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

4. Bộ Thông tin và Truyền thông

.....

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết và triển khai thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3).